

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Phong và bà Dương Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/08/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2024/TLST – HNGĐ ngày 04/6/2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/07/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh năm 1990; nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam. (có mặt)

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Kiều Tr trình bày:

* **Về hôn nhân:** Chị và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ chồng đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T sống không có chính kiến; sống phụ thuộc vào bố mẹ, khi xảy ra mâu thuẫn giữa chị với gia đình chồng thì anh T không bảo vệ được chị dẫn đến chị bị tổn thương về tinh thần. Ngoài ra anh T

không có sự quan tâm, đồng cảm chia sẻ công việc cũng như tâm tư tình cảm của vợ, sống thờ ơ hời hợt dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng 08/2023, chị mang con gái út về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh T có đến tìm đón; chị nghĩ đến con mà bỏ qua cho anh T nên đến trước tết âm lịch năm 2024 khoảng 01 tháng thì chị về chung sống cùng anh T tại gia đình chồng. Tuy nhiên trong thời gian trước, trong và sau tết vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn với nguyên nhân vẫn vậy nên chị xác định vợ chồng không còn tiếng nói chung và chị cũng không còn đủ kiên nhẫn để chung sống cùng anh T vì vậy đến đầu tháng 04/2024 chị lại mang con gái út về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh T nhiều lần sang nói chuyện với chị và bố mẹ chị để tìm đón chị về nhưng chị không về chung sống cùng anh T do đã hết tình cảm.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn; mục đích hôn nhân không đạt được; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

* **Về con chung:** Chị xác định chị và anh Nguyễn Ngọc T có 03 con chung là cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 04/3/2013; cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 25/11/2015 và cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/8/2018. Ngoài ra chị Tr xác định hiện chị đang mang thai con thứ 4 tại tháng thứ 7.

Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Thảo N và để anh T nuôi dưỡng cháu T1, cháu D. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Đối với cháu thứ 4 mà chị đang mang thai thì khi sinh ra chị sẽ nuôi và cũng không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị xác định hiện chị đang làm công nhân ở gần nhà, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 6 - 7 triệu đồng.

* **Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

* **Về hôn nhân:** Anh và chị Nguyễn Thị Kiều Tr tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam. Từ sau ngày cưới đến nay vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Đến giữa năm 2023 do chị Tr thay đổi tính nết, mỗi khi anh muốn gần gũi vợ thì chị Tr lại đẩy anh ra; anh hỏi tại sao thì chị Tr không nói nên anh có to tiếng với chị Tr nhưng sau đó anh lại chủ động xin lỗi làm lành với chị Tr. Đến khoảng tháng 8/2023 chị Tr có nói với anh là muốn về nhà ngoại ở một thời gian, anh đã nói chuyện với bố mẹ anh để chị Tr về nhà ngoại ở một thời gian, lúc đầu bố mẹ anh không đồng ý nhưng anh thuyết phục thì bố mẹ cũng đồng ý. Sau đó chị Tr mang con gái út về nhà ngoại ở; anh vẫn sang thăm vợ và chơi với con thường

xuyên. Đến trước tết âm lịch năm 2024 anh đón chị Tr và con gái về nhà; trước, trong và sau tết anh và chị Tr không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến cuối tháng 4/2024 chị Tr tự mang con gái út về nhà ngoại sống. Anh nhiều lần sang gặp nói chuyện với chị Tr với mục đích hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ tuy nhiên chị Tr nói với anh là cần thời gian để suy nghĩ và không về chung sống cùng anh nữa.

Nay chị Tr làm đơn ly hôn; anh thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, anh vẫn còn yêu thương vợ và muốn các con sống có đầy đủ cha mẹ vì vậy anh không đồng ý ly hôn chị Tr. Anh xác định anh đã làm mọi cách từ gặp nói chuyện, xin lỗi vợ, nhờ gia đình vợ hòa giải nhưng chị Tr vẫn không về chung sống nên anh không biết làm thế nào. Anh đề nghị Tòa án cố gắng hòa giải để anh chị về chung sống với nhau.

* **Về con chung:** Anh xác định anh và chị Tr có 03 con chung là cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 04/3/2013; cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 25/11/2015 và cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/8/2018. Ngoài ra anh xác định hiện nay chị Tr đang mang thai con thứ 4 tại tháng thứ 7. Cháu T1, cháu D đang ở với anh; cháu Thảo N đang ở với chị Tr; tuy nhiên do nhà ông bà nội và ông bà ngoại gần nhau nên các cháu cứ đi đi lại lại giữa hai nhà. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không trình bày quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn.

Anh xác định hiện anh đang làm nhân viên bán xăng ở gần nhà, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng hơn 07 triệu đồng.

* **Về tài sản riêng, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy theo tiêu chuẩn), trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề này trong việc chị Tr kiện ly hôn anh.

[3] Tại phiên tòa, chị Tr giữ nguyên quan điểm như đã trình bày; cụ thể: Chị đề nghị được ly hôn anh T. Về con chung, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Thảo Nguyễn và để anh T nuôi dưỡng cháu T1, cháu D, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Đối với cháu thứ 4 mà chị đang mang thai thì khi sinh ra chị sẽ nuôi và cũng không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Các vấn đề về tài sản chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Tại phiên tòa, anh T trình bày: Trong thời gian anh chị sống ly thân anh đã tìm mọi cách để nói chuyện với chị Tr nhưng chị Tr không hợp tác nên anh không biết làm cách nào khác. Anh xác định tại thời điểm hiện tại thì vợ chồng anh không có khả năng đoàn tụ nhưng anh không nhất trí ly hôn với chị Tr vì anh vẫn còn yêu thương chị Tr. Về con chung nếu Tòa giải quyết cho chị Tr ly hôn thì anh cũng đồng ý với quan điểm của chị Tr, anh sẽ nuôi cháu T1, cháu D; chị Tr nuôi cháu Thảo N; anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Cháu thứ 4 sinh ra do chị Tr nuôi dưỡng. Các vấn đề về tài sản anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành tương đối đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều Tr. Xử cho chị Nguyễn Thị Kiều Tr ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Kiều Tr và anh Nguyễn Ngọc T: Giao cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/8/2018 cho chị Tr nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 04/3/2013 và cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 25/11/2015 cho anh T nuôi dưỡng. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị Tr, anh T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; bị đơn – anh Nguyễn Ngọc T có nơi thường trú và cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều Tr và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự đồng cảm về tinh thần và

sự hòa hợp chuyện sinh hoạt vợ chồng; khi gặp khúc mắc chị Tr không trao đổi thẳng thắn với chồng đề chồng hiểu; ngược lại anh T cũng hời hợt không quan tâm đến cảm xúc tâm tư của vợ; dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Bên cạnh đó trong cuộc sống thì giữa chị Tr với bố mẹ chồng cũng có những mâu thuẫn; chị Tr cần sự động viên, thấu hiểu, chia sẻ của chồng nhưng anh T thường nghe theo lời bố mẹ hơn là nghe theo lời chị Tr; điều này cũng góp phần làm cho chị Tr chán nản và dẫn đến bỏ mặc cho mâu thuẫn xảy ra. Tuy vợ chồng không xảy ra to tiếng cãi chửi nhau nhưng mâu thuẫn luôn tồn tại âm ỉ kéo dài và ngày càng làm cho vợ chồng xa cách. Tháng 8/2023 chị Tr mang con thứ ba về nhà ngoại ở, anh Tr đến xin lỗi, hứa sửa chữa nên đến tết âm lịch 2024 vợ chồng về ở với nhau tuy nhiên mâu thuẫn vẫn không được khắc phục và từ cuối tháng 4/2024 đến nay anh chị sống ly thân.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án anh T không đồng ý ly hôn và luôn tha thiết mong muốn chị Tr về đoàn tụ. Tòa án cũng đã nhiều gặp gỡ nói chuyện phân tích động viên để anh chị về chung sống, nuôi dạy con cũng như nhiều lần tiến hành hòa giải để anh chị về đoàn tụ nhưng chị Tr vẫn luôn luôn giữ quan điểm không còn tình cảm vợ chồng với anh T, kiên quyết mong muốn được ly hôn. Xét trên thực tế mặc dù anh T đã cố gắng tìm mọi cách để làm lành với vợ nhưng do chị Tr luôn luôn chủ động xa cách anh T nên anh chị không về chung sống. Tại phiên tòa mặc dù được Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên động viên nhưng chị Tr vẫn kiên quyết xin ly hôn; anh T xác định mặc dù anh vẫn còn rất yêu vợ nhưng tại thời điểm hiện nay thì anh chị không còn khả năng đoàn tụ. Từ quan điểm của các bên, Hội đồng xét xử thấy khả năng chị Tr anh T về chung sống với nhau là không còn do vậy chấp nhận đề nghị của chị Tr; xử cho chị Tr ly hôn anh T là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều Tr và anh Nguyễn Ngọc T có 03 con chung là cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 04/3/2013; cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 25/11/2015 và cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/8/2018; hiện nay cháu N đang ở với chị Tr; cháu T1, cháu D đang ở với anh T. Ngoài ra chị Tr, anh T đều xác định hiện chị Tr đang mang thai con thứ 4 tại tháng thứ 8.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không có quan điểm về việc nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay, anh T tự nguyện thay đổi quan điểm là nếu ly hôn về nuôi con chung anh đồng ý với quan điểm của chị Tr là anh sẽ nuôi cháu T1, cháu D; chị Tr nuôi cháu Thảo N và cháu thứ 4 sắp sinh; anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm này của anh T là tự nguyện và đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu do chị Tr xuất trình cũng như lời khai của chị Tr, anh T thì hiện tại chị Tr đang mang thai con thứ 4 ở tháng thứ 8 là đúng sự thật. Tuy nhiên do hiện nay cháu chưa được sinh ra nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết vấn đề giao con cho ai nuôi. Sau này khi chị Tr sinh cháu và nếu

anh chị xảy ra tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ việc dân sự theo quy định của pháp luật dân sự và tố tụng dân sự.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị Tr, anh T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này. Nếu sau này chị Tr, anh T xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tr phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Nguyễn Thị Kiều Tr ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Kiều Tr và anh Nguyễn Ngọc T: Giao cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/8/2018 cho chị Nguyễn Thị Kiều Tr nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 04/3/2013 và cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 25/11/2015 cho anh Nguyễn Ngọc T nuôi dưỡng. Chị Tr, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Tr, anh T và các thành viên trong gia đình chị Tr, anh T không được cản trở anh chị trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1, cháu D và cháu N.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kiều Tr phải nộp 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Tr đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0000616 ngày 04/6/2024 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Tr phải chịu. (*Chị Tr đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Tr, anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Đ; huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)